

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/HSPT

Ngày 06 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Quyên

Bà Lê Thị Ký

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 523/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo **Trần Văn N** cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn N**, **Nguyễn Đức H**, **Nguyễn Văn T**, **Nguyễn Minh T1**, **Bồ Hữu T2**, **Nguyễn Trọng H1**, **Nguyễn Hùng P**, **Châu Thanh T3**, **Nguyễn Thanh H2** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 487/2023/HSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXX - PTHS ngày 08/01/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/HDPT-QĐ ngày 19/02/2024 và thông báo mở lại phiên tòa số 46/TB-TA ngày 27/02/2024.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Trần Văn N**. Tên gọi khác: Tư Đĩa. Sinh năm 1982 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 293, **tổ G, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Trình độ học vấn: Lớp 2/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Trần Văn T4**, sinh năm 1961 và con bà **Lê Thị K**, sinh năm 1959. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ **Lê Thị Tuyết L**, sinh năm 1987, bị cáo có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3200/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8494/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh H2**. Tên gọi khác: **Q**. Sinh năm 1985 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 323B, **khu Đ, ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Thanh Q1**, sinh năm 1965 và con bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1961. Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ **Lê Ngọc H3**, sinh năm 1983, bị cáo có 02 con sinh năm 2010 và năm 2015.

Tiền án: Ngày 08/9/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 01 tháng 26 ngày về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Bản án số 488/2008/HSST ngày 08/9/2008). Bị cáo **H2** đóng án phí 50.000 đồng ngày 18/7/2023.

Tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3201/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8502/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

3. Họ và tên: **Bồ Hữu T2**. Tên gọi khác: **Ú A**. Sinh năm 1981 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: **ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: Lớp 6/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Bồ Văn T5**, sinh năm 1955 và con bà **Trịnh Thị Ngọc G**, sinh năm 1957. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ **Lê Thị H4**, sinh năm 1980, bị cáo có 03 con sinh năm 2007, 2008 và năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/3/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999. Thái chấp hành xong bản án ngày 15/9/2002.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3203/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8503/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Đức H**. Tên gọi khác: Cu. Sinh năm 1988 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: **ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 11/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Công Đ**, sinh năm 1961 và con bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1967. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Có vợ **Nguyễn Thị H5**, sinh năm 1987, bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3205/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8496/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

5. Họ và tên: **Nguyễn Trọng H1**. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1982 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 410, **khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Công nhân; Đảng viên: Bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 25/7/2023. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam, tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1957 và con bà **Nguyễn Thị Phương D**, sinh năm 1961. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Có vợ **Lê Thị Trúc L2**, sinh năm 1989, bị cáo có 02 con sinh năm 2013 và năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3202/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8501/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

6. Họ và tên: **Châu Thanh T3**. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nơi ĐK thường trú: **B T, ường"Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh**.

+ Nơi ở: **khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Châu Thế N2**, sinh năm 1955 và con bà **Nguyễn Thị H6**, sinh năm 1953. Gia đình có 02 anh em, bị

cáo là con thứ nhất. Có vợ **Nguyễn Thị Ngọc H7**, sinh năm 1978, bị cáo có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/01/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội “Chứa mại dâm” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 BLHS năm 1999. Tù chấp hành xong bản án ngày 25/02/2009

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3205/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8500/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

7. Họ và tên: **Nguyễn Minh T1**. Tên gọi khác: **N3**. Sinh năm 1982 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: 595, **tổ A, Khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Lớp 12/12 dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1954 và con bà **Nguyễn Kim C1**, sinh năm. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ tư. Có vợ **Võ Thị Hồng H8**, sinh năm 1984, bị cáo có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3209/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8499/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

8. Họ và tên: **Nguyễn Hùng P**. Tên gọi khác: **H9**. Sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Nơi ĐK thường trú: 57/6 **đường B, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

+ Nơi ở: **Khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Thợ hồ. Trình độ học vấn: Lớp 01/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1950 và con bà **Nguyễn Ngọc H10**, sinh năm 1956. Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm. Có vợ **Đoàn Thị Kim T6**, sinh năm 1986, bị cáo có 01 con sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3207/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8497/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

9. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**. Tên gọi khác: **T7**. Sinh năm 1993 tại Đồng Nai.

Nơi cư trú: **khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 01/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1970 và con bà **Nguyễn Thị N4**, sinh năm 1970. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ **Nguyễn Thanh T8**, sinh năm 2001, bị cáo có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ ngày 12/01/2023, được hủy bỏ tạm giữ ngày 18/01/2023 theo Quyết định số 3204/QĐ ngày 18/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa. Hiện bị cáo đang bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 8495/LC ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

Trong vụ án này còn có bị cáo khác nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

*Các bị cáo **N, Đức H, Trọng H1, T1, T3, T2** có mặt, cáo bị cáo **P, Thanh H2** và Thanh vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 12/01/2023, tại quán cà phê do chị **Phan Thị L3 (C2)** làm chủ ở **khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**, **Trần Văn N (T)**, **Nguyễn Đức H (C)**, **Nguyễn Văn T (T7)**, **Nguyễn Minh T1 (N3)**, **Bồ Hữu T2 (Ú)**, **Nguyễn Trọng H1 (V)**, **Nguyễn Hữu T9**, **Nguyễn Hùng P**, **Châu Thanh T3**, **Nguyễn Thanh H2** và một số đối tượng (Chưa rõ lai lịch) đến uống nước và cùng rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đá gà qua mạng. Nghiêm đại diện tất cả người chơi thu tiền và chung chi thắng thua.

Cách thức đánh bạc như sau: Cả nhóm sử dụng 01 điện thoại di động hiệu OPPO của **Nguyễn Hữu T9** có kết nối Internet, truy cập vào trang “ThomoHomNay.Com” để xem các trận đá gà trực tuyến được tổ chức tại Campuchia. Người chơi truy cập vào trang mạng đang phát trực tiếp và chọn trận đấu, chọn con gà, thỏa thuận số tiền đặt cược và tỷ lệ thắng thua. Mỗi trận sẽ có 01 con gà được băng cựa màu xanh đá với 01 con được băng cựa màu đỏ (để đánh dấu gà). **Trần Văn N** đứng ra đại diện tất cả người chơi ghi nhận tên, số tiền và

con gà mà người đánh bạc đặt cược, sau đó cộng số tiền cá cược của mỗi bên gà đỏ và xanh, bên con gà nào người chơi đặt cược ít tiền hơn thì **N** sẽ đặt cược bên gà đỏ với số tiền còn thiếu để hai bên có số tiền cược bằng nhau. Cả nhóm thỏa thuận, tỷ lệ thắng thua là 10:9, nghĩa là bên gà nào đá thắng sẽ chấp bên gà thua với tỷ lệ 10:9 (cược 10 ăn 9), ví dụ người chơi cược 1.000.000đ (Một triệu đồng), nếu thắng thì được 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng), số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) người chơi thỏa thuận cho **N**. Kết thúc trận đá gà, **N** thu tiền của bên thua đưa cho bên thắng theo tỉ lệ cược 10:9 như trên.

Để phụ giúp cho việc đánh bạc thuận lợi, **N** nhờ **Nguyễn Văn T** giúp **N** thu và chi trả tiền thắng thua cho những người tham gia cá cược. **N** hứa trả công cho **T** từ 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) đến 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), **T** đồng ý.

Lúc này, trận gà chuẩn bị bắt đầu nên **N** thông báo để mọi người đặt cược. **N** và **P** đặt cược cho con gà băng cựa màu xanh; còn **Đức H**, **T1**, **T2**, **Trọng H1**, **T9**, **T3**, **Thanh H2** và 01 người (Chưa rõ lai lịch) đặt cược con gà băng cựa màu đỏ, số tiền cá cược mỗi bên là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tổng số tiền hai bên dùng đánh bạc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Trong đó:

- Phía đặt cược bên gà băng cựa màu xanh: Nghiêm góp 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), **P** góp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

- Phía đặt cược bên gà băng cựa màu đỏ: **Đức Hải** góp 1.000.000đ (Một triệu đồng), **T1** góp 1.000.000đ (Một triệu đồng), **T2** góp 2.000.000đ (Hai triệu đồng), **Trọng H1** góp 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), **Trương** góp 1.000.000đ (Một triệu đồng), **T3** góp 1.000.000đ (Một triệu đồng), **Thanh H2** góp 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và 02 người (Chưa rõ lai lịch) góp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 12/01/2023, khi trận đấu gà vừa kết thúc, kết quả gà băng cựa màu đỏ thắng, **N** đã trả tiền thắng cược cho **Nguyễn Đức H**, **Nguyễn Trọng H1**, **Nguyễn Minh T1** và đang trả tiền thắng cho những người chơi thắng còn lại thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội **Công an thành phố B** phát hiện bắt quả tang.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trên.

- Tang vật thu giữ gồm:

- + 01 điện thoại di động hiệu OPPO của **Nguyễn Hữu T9** sử dụng vào việc đánh bạc.

- Thu giữ trên người các bị cáo 18.713.000đ (Mười tám triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) là tiền dùng đánh bạc gồm:

- + 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) của **Trần Văn N**.

- + 1.000.000đ (Một triệu đồng) của **Châu Thanh T3**.
 - + 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) của **Nguyễn Đức H**.
 - + 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng) của **Nguyễn Minh T1**.
 - + 913.000đ (Chín trăm mười ba nghìn đồng) của **Nguyễn Trọng H1**.
 - + 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của **Nguyễn Thanh H2**.
 - Thu giữ trên người các bị cáo 17.700.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm nghìn đồng) là số tiền không liên quan đến việc đánh bạc gồm:
 - + 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) của **Châu Thanh T3**.
 - + 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng) của **Nguyễn Đức H**.
 - + 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của **Nguyễn Thanh H2**.
 - + 1.000.000đ (Một triệu đồng) của **Nguyễn Minh T1**.
 - Số tài sản khác không liên quan đến đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố B** đã thu giữ và giao trả cho chủ sở hữu gồm:
 - + 01 điện thoại di động hiệu iphone XS Max của **Trần Văn N**.
 - + 01 điện thoại di động hiệu iphone XS Gold của **Nguyễn Đức H**.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51 của **Nguyễn Minh T1**.
 - + 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A52 của **Nguyễn Trọng H1**.
 - + 01 điện thoại di động hiệu iphone 14 của **Bồ Hữu T2**.
 - + 01 điện thoại di động hiệu oppo màu đen của **Nguyễn Thanh H2**
- Quá trình điều tra:
- **Trần Văn N** khai: Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 12/01/2023, trước khi diễn ra trận đá gà nêu trên, **Trần Văn N** tham gia cá cược 04 trận đá gà gồm:
 - + Trận 1: Nghiêm tham gia đặt cược 3.000.000đ (Ba triệu đồng), không nhớ thắng thua và đánh bạc với ai.
 - + Trận 2: Nghiêm tham gia đặt cược 2.000.000đ (Hai triệu đồng), không nhớ thắng thua và đánh bạc với ai.
 - + Trận 3: Nghiêm tham gia cá cược với **Trần Anh T10** (Sinh năm 1985, ngụ tại **B, ấp P, xã L, thành phố B**), **N** bắt gà bằng cựa màu xanh với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), **T10** bắt gà bằng cựa màu đỏ với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Kết quả, gà bằng cựa màu xanh thắng, **N** thắng Tuyền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).
 - + Trận 4: Nghiêm tham gia đặt cược 5.000.000đ (Năm trăm nghìn đồng), không nhớ thắng thua và đánh bạc với ai.
 - **Nguyễn Đức H** khai trước khi diễn ra trận đá gà, còn có **Lê Thị Thanh T11** (Sinh năm 1986, ngụ tại **khu C, ấp P, xã L, thành phố B**) đặt cược con gà bằng cựa màu đỏ với số tiền 500.000đ (Năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, **Lê Thị Thanh**

T11 không thừa nhận tham gia đánh bạc, chỉ thừa nhận đến sòng bạc gọi **Trần Anh T10 (Chông T)** về.

- Ban đầu **Nguyễn Văn T** khai **Nguyễn Phi H11** (Sinh năm 1968, ngụ tại **khv C, ấp P, xã L, thành phố B**) đặt cược con gà bằng cựa màu đỏ với số tiền 500.000đ (Năm trăm triệu đồng). Sau đó, **T** thay đổi lời khai, xác nhận do nhớ nhầm, **H11** không tham gia đánh bạc. Lời khai của **H11** và các bị cáo khác cũng khẳng định **H11** không tham gia đánh bạc.

- Quán cà phê ở **khv C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** do chị **Phan Thị L3 (C2- sinh năm 1972, ngụ tại khv C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai)** làm chủ. Thời điểm các bị cáo đánh bạc, chị **L3** không ở quán nên không biết các bị cáo đánh bạc và không thu xâu. Các bị cáo cũng khai **L3** không có mặt ở quán, không thu xâu.

Tại Bản án số 487/2023/HSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 54, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Riêng các bị cáo **T3, T2, Nguyễn Thanh H2** không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, bị cáo **Nguyễn Thanh H2** áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn N 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Bồ Hữu T2 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H2 08 (T12) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H 05 (Năm) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hùng P 05 (Năm) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T1 05 (Năm) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Châu Thanh T3 06 (Sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng H1 05 (Năm) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T 04 (Bốn) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt thi hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giam tạm giữ trước đó từ ngày 12/01/2023 đến ngày 18/01/2023.

Ngày 28/9/2023, và 30/9/2023 các bị cáo **Trần Văn N, Bò Hữu T2, Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Đức H, Nguyễn Hùng P, Châu Thanh T3, Nguyễn Trọng H1** và **Nguyễn Văn T** và **Nguyễn Minh T1** có đơn kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Văn N, Bò Hữu T2, Châu Thanh T3** mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù, các bị cáo **Nguyễn Đức H, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Trọng H1** mỗi bị cáo 05 (năm) tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo cung cấp được một số tình tiết mới như bị cáo **Nguyễn Đức H** cung cấp một đơn xác nhận bị cáo có thời gian tham gia quân đội có ông chú là liệt sỹ, các bị cáo khác đều có đơn xác nhận của địa phương là lao động chính trong gia đình, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, xét đây là chứng cứ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đối với các bị cáo **Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Hùng P** và **Nguyễn Văn T** trước khi xét xử phúc thẩm có đơn rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ngày 28/02/2024, các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hùng P và Nguyễn Thanh H2 có đơn xin rút kháng cáo. Xét việc rút đơn kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo có đơn rút kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 12/01/2023, tại quán cà phê do chị Phan Thị L3 (C2) làm chủ ở khu C, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần Văn N (T), Nguyễn Đức H (C), Nguyễn Văn T (T7), Nguyễn Minh T1 (N3), Bò Hữu T2 (Ú), Nguyễn Trọng H1 (V), Nguyễn Hữu T9, Nguyễn Hùng P, Châu Thanh T3, Nguyễn Thanh H2, Nguyễn Đức H và một số đối tượng (Chưa rõ lai lịch) thực hiện hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với hình thức đá gà qua mạng, với tổng số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc là 20.000.000đ thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321; Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ xử phạt các bị cáo Trần Văn N, Bò Hữu T2, Châu Thanh T3 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù; Nguyễn Đức H, Nguyễn Minh T1, Nguyễn Trọng H1 mỗi bị cáo 05 (năm) tháng tù là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng như nội dung kháng cáo của bị cáo đã nêu. Các bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo hoặc chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn Hội đồng xét xử xem xét, ngoài những tình giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo cung cấp được một số tình tiết mới như bị cáo Đức H cung cấp một đơn xác nhận bị cáo có thời gian tham gia quân đội có chú ruột là liệt sỹ, các bị cáo khác đều có đơn xác nhận của địa phương là lao động chính trong gia đình, trong thời gian tại ngoại luôn chấp hành chính sách pháp luật tại địa phương, xét đây là chứng cứ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử chuyển hình phạt tù của các bị cáo chuyển sang hình phạt tiền buộc các bị cáo phải chấp hành thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Trần Văn N**, **Bồ Hữu T2**, **Châu Thanh T3**, **Nguyễn Đức H**, **Nguyễn Trọng H1**, **Nguyễn Minh T1** sửa Bản án sơ thẩm số 487/2023/HSST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, 54, 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Văn N** 30.000.000đ (Ba mươi triệu)
- Xử phạt bị cáo **Bồ Hữu T2** 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu)
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H** 20.000.000đ (Hai mươi triệu)
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu)
- Xử phạt bị cáo **Châu Thanh T3** 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu)
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng H1** 20.000.000đ (Hai mươi triệu)

Các bị cáo bị xét xử về tội “Đánh bạc”

2. Căn cứ Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo **Nguyễn Thanh H2**, **Nguyễn Hùng P** và **Nguyễn Văn T**.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo (3)
- Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa (2);
- Công an TP. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân TP. Biên Hòa
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (5).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lan Hương Võ Thị Thanh Phượng

Đinh Thị Kiều Lương

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại (3)
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- VKSND huyện Xuân Lộc
- Công an huyện Xuân Lộc;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (5).

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đinh Thị Kiều Lương**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký

Nguyễn Thị Quyên

Đinh Thị Kiều Lương